**MA TRẬN ĐỀ THI**

| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **2** | **0** | **4** | **0** | **1** | **3** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **5** | **25** | **0** | **10** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI**

| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thông tin trong văn bản.  - Xác định được các dữ liệu, sự kiện được tác giả sử dụng trong văn bản nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được dữ liệu, nguồn tin được tác giả sử dụng trong văn bản.  - Phân tích được tác dụng và hiệu quả của các thông tin, dữ liệu được tác giả sử dụng.  **Vận dụng:**  - Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản để viết được đoạn văn/ bài văn đáp ứng yêu cầu của đề bài.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân. | 2TN | 4TN | 1TN  3TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **2TN** | **4TN** | **1TN**  **3TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

| **PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ……………………..** | **ĐỀ THI Năm học: 20… – 20….**  **Môn: Ngữ văn – Lớp 8**  **(Thời gian làm bài: 90 phút)** |
| --- | --- |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

29/03/2014

Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái Đất, vói nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.

(1) Vào năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế của Ô-xtrây-li-a (Australia) tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Tổ chức này đã thảo luận với Công ti quảng cáo Lê-Ô Bớc-nét Xít-ni (Leo Bumett Sydney) về các ý tưởng truyền thông nhằm thu hút sự chú ý của người dân Ô-xtrây-li-a về vấn đề biến đổi khí hậu. Chiến dịch dựa trên niềm hi vọng rằng mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất nơi chúng ta đang sinh sống.

(2) Sang năm 2005, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế Ô-xtrây-li-a và Công ti Lê-Ô Bớc-nét Xít-ni bắt đầu xây dựng một ý tưởng tắt điện ở quy mô lớn, dự án có tên gọi “Tiếng tắt lớn”.

Đến năm 2006, nhà quảng cáo Lê-Ô Bớc-nét được giao một nhiệm vụ khó khăn: đặt tên cho chiến dịch. Từ đó, tên “Giờ Trái Đất” ra đời, kêu gọi các cá nhân và doanh nghiệp tắt điện một tiếng đồng hồ vào tối thứ 7 cuối cùng của tháng 3 hằng năm. Tên gọi Giờ Trái Đất giúp chiến dịch mở rộng từ mục tiêu kêu gọi mọi người tắt đèn và các thiết bị sử dụng điện sang mục tiêu có tính bền vững, lâu dài hơn. Chiến dịch Giờ Trái Đất nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của Thị trưởng thành phố Xít-ni.

Vào ngày 31-3-2007, lễ khai mạc sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức tại Xít-ni, Ô-xtrây-li-a với sự tham gia của 2,2 triệu người dân và 2 100 doanh nghiệp tại đây, sự kiện kéo dài một tiếng đồng hồ từ 19h30 đến 20h30.

Chiến dịch Giờ Trái Đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch thuộc phạm vi quốc gia của Ô-xtrây-li-a nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái Đất những năm sau đó.

Vào ngày 29-3-2008, chiến dịch Giờ Trái Đất mở rộng được tổ chức ở 371 thảnh phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.

Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái Đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người. Hơn 4 000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng biểu thị tinh thần chống biến đổi khí hậu bằng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ.

“Giờ Trái Đất không phải chỉ dừng lại ở hành động tắt đèn, mà đây là chiến dịch trong đó tất cả mọi người trên thế giới cùng nhau đoàn kết và thể hiện họ có thể làm gì trong suốt cả năm để bảo vệ hành tinh.

(En-đi Rít-li (Andy Ridley), Giám đốc và là người sáng lập chiến dịch

Giờ Trái Đất toàn cầu).”

**Câu 1** (0,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A. Văn bản nghị luận

B. Văn bản thông tin

C. Hành chính công vụ

D. Ý kiến khác

**Câu 2** (0,5 điểm). Tên ban đầu của chiến dịch Giờ Trái Đất là gì?

A. Giờ tắt lớn.

B. Tắt.

C. Tiếng nổ lớn.

D. Tiếng tắt lớn.

**Câu 3** (0,5 điểm) Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

29/3/2014

“Tối nay (29/3), 63 tỉnh thành Việt Nam sẽ cùng cả thế giới hành động trong chiến dịch Giờ Trái Đất, với nhiều hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường trước biến đổi khí hậu.”

A. Sự ra đời và phát triển của giờ Trái Đất

B. Khởi phát của giờ Trái Đất

C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin

D. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu

**Câu 4** (0,5 điểm). Nội dung chính của đoạn trích dưới đây:

*“*Vào năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên Nhiên Quốc tế của Ô-xtrây-li-a (Australia) tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Tổ chức này đã thảo luận với Công ti quảng cáo Lê-ơ Bớc-nét Xít-ni (Leo Bernett Sydney) về các ý tưởng truyền thông nhằm thu hút sự chú ý của người dân Ô-xtrây-li-a về vấn đề biến đổi khí hậu. Chiến dịch dựa trên niềm hi vọng rằng mỗi cá nhân đều có trách nhiệm với tương lai của Trái Đất nơi chúng ta đang sinh sống.”

A. Sự ra đời và phát triển của giờ Trái Đất

B. Khởi phát của giờ Trái Đất

C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin

D. Giờ Trái Đất chính thức trở thành chiến dịch toàn cầu

**Câu 5** (0,5 điểm). Nội dung sau đúng hay sai?

“Văn bản Giờ Trái Đất đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên nhân, sự hình thành, ý nghĩa và phát triển của chiến dịch này”

A. Đúng

B. Sai

**Câu 6** (0,5 điểm). Nghệ thuật được sử dụng trong văn bản *Giờ Trái Đất*là:

A. Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...

B. Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa…

C. Giọng điệu truyền cảm, thiết tha

D. Tất cả các phương án trên

**Câu 7** (0,5 điểm). Giờ Trái Đất có ý nghĩa gì với nhân loại?

A. Giúp mọi người trên thế giới đoàn kết

B. Thể hiện hành động cụ thể để bảo vệ hành tinh

C. Chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc

D. B và C

E. A và B

**Câu 8** (0,5 điểm). Ngày Trái Đất được tổ chức hàng năm để bàn về vấn đề gì? Thông tin 141 nước tham gia cho em thấy điều gì?

**Câu 9** (1,0 điểm). Phân tích tính thuyết phục của những kiến nghị mà văn bản đã đề xuất. Hãy chỉ ra tác dụng của từ “vì vậy” trong việc liên kết các phần của văn bản.

**Câu 10** (1,0 điểm). Em hãy nêu những đề xuất để hạn chế việc ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay?

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng vô cảm

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1** | B. Văn bản thông tin | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | D. Tiếng tắt lớn. | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | C. Khái quát và nêu lên sự kiện thông tin | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | B. Khởi phát của giờ Trái Đất | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | A. Đúng | 0,5 điểm |
| **Câu 6** | B. Kết hợp văn bản truyền thống và hình ảnh, đồ họa… | 0,5 điểm |
| **Câu 7** | E. A và B | 0,5 điểm |
| **Câu 8** | Ngày Trái Đất là ngày để nâng cao nhận thức và giá trị của môi trường tự nhiên của Trái Đất. Ngày Trái Đất được tài trợ bởi thượng nghị sĩ Hoa Kỳ Gaylord Nelson như một cuộc hội thảo về môi trường được tổ chức lần đầu tiên vào 22 tháng 4 năm 1970. Trong khi Ngày Trái Đất đầu tiên chỉ được chú ý tại Hoa Kỳ, một tổ chức đã được thành lập bởi Denis Hayes, nguyên là điều phối viên toàn quốc năm 1970, đưa nó lên tầm quốc tế vào năm 1990 và tổ chức các sự kiện ở 141 quốc gia. | 0,5 điểm |
| **Câu 9** | - Văn bản có tính thuyết phục:  + Văn bản chỉ ra nguồn gốc, sự hưởng ứng và chủ đề của ngày Trái Đất.  + Văn bản đưa ra được cụ thể những tác hại nghiêm trọng của việc sử dụng bao bì ni lông - được khảo sát từ thực tế.  + Những biện pháp được nêu ra vô cùng hợp lý, thuyết phục.  - Tác dụng của từ “vì vậy”:  + Tạo sự liên kết giữa hai phần của văn bản: tác hại và biện pháp.  + Tạo ra cách kết thúc vấn đề chặt chẽ hơn, thuyết phục hơn. | 1,0 điểm |
| **Câu 10** | Một số biện pháp đề xuất:  + Trồng nhiều cây xanh  + Hạn chế sử dụng túi nilong  + Không vứt rác bừa bãi, xử lí các chất thải cách hợp lí khoa học  + Hạn chế dùng thuốc trừ sâu  + Giáo dục tuyên truyền mọi người cần biết giữ gìn vệ sinh chung  + Sử dụng các năng lượng mới không gây ra ô nhiễm môi trường  + …. | 1,0 điểm |

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống**  Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.  Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp… thông qua các lí lẽ và dẫn chứng…  Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận. | 0,25 điểm |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:** Viết bài văn nghị luận về hiện tượng vô cảm. | 0,25 điểm |
|  | **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:**  **1. Mở bài**  Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: hiện tượng vô cảm  **2. Thân bài**  a. Giải thích vấn đề  + “Vô cảm”: “Vô” (tức “không”), “cảm” (tình cảm, cảm xúc), “vô cảm” có thể hiểu là không có tình cảm, cảm xúc ⇒ căn bệnh này có thể hiểu là sự thờ ơ, không quan tâm đến những sự vật, sự việc xung quanh mình.  b. Thực trạng, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong cuộc sống:  - Căn bệnh vô cảm ngày càng phổ biến, lan rộng trong xã hội (kết hợp lồng các dẫn chứng trong quá trình phân tích):  + Thờ ơ, vô cảm với những hiện tượng trái đạo lí, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội: Hiện tượng livestream trên mạng xã hội (hiện tượng học sinh cấp 2 tại Hải Dương), bắt gặp hiện tượng trộm cắp thì im lặng, học sinh thấy các hiện tượng tiêu cực như quay cóp, bạo lực học đường thì coi như không biết …  + Thờ ơ, vô cảm với những nỗi buồn, nỗi đau của chính những người đồng bào: Gặp người tai nạn bị tai nạn giao thông xúm vào bàn bạc, quay phim, chụp ảnh. Bỏ qua những lời kêu gọi giúp đỡ của đồng bào miền Trung bão lũ…  + Thờ ơ, vô cảm với những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước: Thờ ơ với những cảnh đẹp quê hương, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh tại các điểm du lịch…  + Thờ ơ, vô cảm với chính cuộc sống của bản thân mình: Hiện tượng học sinh đi học muộn, không chú ý học tập. Hiện tượng sinh viên thức rất khuya sử dụng smartphone, thể hiện sự thờ ơ với chính sức khỏe của bản thân…  c. Phân tích nguyên nhân  - Sự phát triển nhanh chóng của cuộc sống khiến con người phải sống nhanh hơn, không còn thời gian để ý tới những gì xung quanh.  - Sự bùng nổ mạnh mẽ của những thiết bị thông minh dẫn đến sự ra đời của các trang mạng xã hội ⇒ con người ngày càng ít giao tiếp trong đời thực  - Sự chiều chuộng, chăm sóc, bao bọc quá kĩ lưỡng cha mẹ đối với con cái ⇒ coi mình là trung tâm, không để ý đến điều gì khác nữa  - Sự ích kỉ của chính bản thân mỗi người.  d. Bình luận về tác hại của hiện tượng  - Hậu quả vô cùng to lớn: con người mất đi những chỗ dựa mỗi lúc khó khăn, xã hội tràn đầy những điều xấu, điều ác.  - Xa hơn, con người đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai.  e. Đề xuất các giải pháp phù hợp  - Lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, thờ ơ vô cảm đối với đời sống xung quanh.  - Hạn chế phụ thuộc vào các thiết bị thông minh, thế giới ảo…  - Rèn luyện lối sống lành mạnh: Yêu thương, quan tâm, giúp đỡ mọi người…  - Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tiễn trong các môn học: Đạo đức, giáo dục công dân để học sinh học cách yêu thương, chia sẻ.  f. Liên hệ bản thân:  Cần lưu ý liên hệ những hành vi, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong chính môi trường học đường để hiểu và tránh.  **3. Kết bài**  Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng vô cảm. | 2,5 điểm |
|  | **d. Chính tả, ngữ pháp:** Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 điểm |
|  | **e. Sáng tạo:** Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,5 điểm |
|  | **Lưu ý:** Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. |  |